

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2017/HC-PT
Ngày 10-7-2017
*V/v: Khiếu kiện quyết định cưỡng
chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Bà Đinh Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 122/2016/TLPT-HC ngày 8 tháng 12 năm 2016 về “*Khiếu kiện quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1942/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc N - Luật sư Văn phòng Luật sư K - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ông Lê Văn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Đức K, Luật sư của Văn phòng Luật sư T và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1997, gia đình ông Nguyễn Đức P có mua của ông Trần Đức C mảnh đất và ngôi nhà tooc xi lợp ngói tại TK1, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Sơn La (giáp hồ B) để sinh sống và làm ăn cho đến nay (có giấy mua bán). Theo Ủy ban nhân dân huyện Y, đây là thửa đất đang được Nhà nước quy hoạch hành lang giao thông Quốc lộ 37. Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện Y đã yêu cầu gia đình ông di dời để trả lại đất cho huyện và đã tính giá trị tài sản trên đất là 1.000.000 đồng. Ông P không đồng ý nhận tiền bồi thường và di rời vì cho rằng giá quá thấp. Sau đó huyện không có ý kiến nên ông P tiếp tục ở lại trên đất này.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện Y tiếp tục buộc ông P phải di dời nhưng ông P không chấp hành vì bồi thường về đất và tài sản trên đất không thỏa đáng.

Năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện Y tiếp tục yêu cầu ông P phải di dời để trả lại đất cho huyện Y và hành lang giao thông nhưng ông P không đồng ý vì chưa được bồi thường thỏa đáng về đất và tài sản trên đất.

Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Y tiếp tục buộc gia đình ông P phải di dời trả đất cho huyện và hành lang giao thông, đồng thời giao cho Chi nhánh điện, nước huyện Y cắt điện, nước sinh hoạt của gia đình ông P.

Ngày 06/4/2016, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 663/QĐ-UBND (đã được đính chính bằng Quyết định số 665/QĐ-UBND) về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P để xây dựng cải tạo hồ B và giải tỏa hành lang giao thông Quốc lộ 37.

Trong các ngày 13/4; 19/4 và 25/4/2016, ông Nguyễn Đức P nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La với yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 663/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y; bồi thường thỏa đáng cho ông P về tài sản với giá trị thực tế là 80.900.000 đồng (*tám mươi*

triệu chín trăm nghìn đồng); bố trí đất tái định cư, cấp lại điện nước sinh hoạt cho gia đình ông P để đảm bảo cuộc sống.

Chứng cứ khởi kiện của của người khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân (cấp sơ thẩm) gồm: Đơn khởi kiện; Chứng minh thư nhân dân; Sổ hộ khẩu; một số Biên lai thu thuế nhà đất (bản sao có chứng thực); Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở; giấy chứng nhận của ông Phạm Mạnh H; các Quyết định số 2835, 101, 2160 của UBND huyện Y; Thông báo số 22 ngày 10/5/2012; Thông báo số 01 ngày 23/12/2004 (đều là bản photo copy).

*** Người bị kiện cho rằng:** Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Đức P tại địa chỉ TK1, thị trấn B là đất bờ ao (hồ) do Hợp tác xã B quản lý. Thời điểm khoảng sau năm 1982, ông Phạm Mạnh H (Phạm Tuấn M) đã tự ý ra ở hành lang an toàn giao thông và hành lang bờ hồ B là đất công được giao cho HTX B quản lý mà chưa được cơ quan nào đồng ý. Năm 1990, ông H đã bán tài sản là ngôi nhà trên đất cho ông Lê Công T (C), việc mua bán giữa hai bên là giấy viết tay không có xác nhận của Ủy ban nhân dân.

Tháng 8/1991, ông Lê Công T bán lại tài sản trên đất cho ông Trần Đức C với hình thức “Giấy chứng nhận nhượng nhà” viết tay giữa hai bên, không có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

Ông Nguyễn Đức P có đưa ra giấy chuyển nhượng nhà, đất giữa ông C với ông P năm 1997. Ông C xác nhận giấy chuyển nhượng này do ông P nhờ viết để ông P hợp lý hóa việc có nhà và đất tại TK1, thị trấn B. Thực tế, năm 1999, ông Trần Đức C mới nhượng tài sản trên đất này cho bà Lê Thị T (**T-T1**). **Sau đó, bà T đã cho em là vợ chồng ông bà Th - Phiếu ở (không phải ông P mua nhà, đất từ ông C).** Do đó, UBND huyện Y xác định việc lấn chiếm, sử dụng đất của các gia đình nêu trên là vi phạm pháp luật đất đai.

Ngày 30/11/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 334/UB-QĐ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch thị trấn B. Ủy ban nhân dân huyện Y đã thông báo đến toàn thể người dân trên địa bàn huyện biết, đặc biệt là khu vực quy hoạch công viên cây xanh hồ B.

Ngày 15/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UB về việc thu hồi 1.259.846m² đất tại các huyện P, Y, S tạm giao cho Ban quản lý dự án đường bộ II để xây dựng cải tạo, nâng cấp Quốc Lộ 37 **(trong đó có đất ông P đang ở).**

Ngày 04/04/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 949/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37

cho các hộ gia đình thuộc diện phải di dời, có 17 hộ ở tà luy âm (15 hộ đã nhận tiền hỗ trợ giá trị đền bù và di dời và còn 02 hộ không nhận tiền hỗ trợ giá trị đền bù và không chịu di dời là hộ ông Đỗ Văn Ph và hộ ông Nguyễn Đức P). Qua giải thích và vận động ngày 14/12/2014, hộ gia đình ông Đỗ Văn Ph đã tự nguyện tháo dỡ di dời và bàn giao mặt bằng cho huyện, còn hộ ông P vẫn không chấp hành.

Ngày 10/01/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chung điều chỉnh, mở rộng thị trấn B đến năm 2020.

Ngày 07/03/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế, kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo hồ B, thị trấn B.

Ngày 01/12/2014, ông Nguyễn Đức P đã có đơn khiếu nại về đền bù đất và tài sản trên đất đến Ủy ban nhân dân huyện Y. Ngày 21/01/2015 Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định 101/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức P và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông P. Ngày 31/3/2015, ông P tiếp tục khiếu nại Quyết định 101/QĐ-UBND với các nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại còn nêu chung chung; diện tích đất nêu trong quyết định chưa thể hiện hết diện tích bếp, công trình phụ của ông; việc đền bù thiệt hại cho gia đình ông chưa thỏa đáng và gia đình ông không được cấp đất. Ngày 16/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức P (lần 2) bãi bỏ các nội dung sai sót trong Quyết định 101/QĐ-UBND.

Căn cứ Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Y đã tiến hành thống kê, kiểm đếm lại tài sản (nhà ở, bếp, công trình phụ) trên khu đất của ông Nguyễn Đức P.

Ngày 30/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2985/QĐ-UBND về thu hồi 198,1 m² đất vi phạm quy hoạch hồ B của hộ gia đình ông Nguyễn Đức P trú tại Tiểu khu 1 thị trấn B, huyện Y để xây dựng công trình “Cải tạo hồ B”.

Ngày 29/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Cải tạo hồ B cho hộ ông Nguyễn Đức P, ban hành kèm theo Bảng tổng hợp giá trị bồi thường.

Trong các ngày 16/3, 23/3, 30/3/2016 Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Y và Ủy ban nhân dân huyện Y đã ba lần ra các Thông báo số 40/TB-HĐGPMB; 62/TB-UBND; 65-66/TB-UBND đối với gia đình ông Nguyễn Đức P về việc nhận tiền bồi thường, tháo dỡ nhà cửa, thu dọn tài sản, bàn giao diện tích đất đã thu hồi để xây dựng công trình cải tạo hồ B với số tiền 55.973.600 đồng. Các Thông này đều được Ủy ban nhân dân huyện Y gửi tới gia đình ông Nguyễn Đức P và niêm yết công khai tại địa phương. Mặc dù đã biết chủ trương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Y nhưng ông P vẫn không chấp hành và bàn giao đất cho huyện.

Do đó, ngày 06/4/2016, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 663/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P để xây dựng, cải tạo hồ B và giải tỏa hành lang giao thông Quốc lộ 37.

Người bị kiện khẳng định quá trình thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất cũng như việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là công bằng, khách quan và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc thu hồi đất đã bảo đảm sự phát triển đúng quy hoạch, phục vụ lợi ích chung của địa phương. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định cưỡng chế thu hồi đất và không chấp nhận các yêu cầu khác của ông P đưa ra.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là UBND huyện Y có quan điểm thống nhất với quan điểm của người bị kiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Chúng cứ do người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cung cấp cho Tòa án là toàn bộ các quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức P và các văn bản pháp luật có liên quan; các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; đơn giá bồi thường; Thông báo nhận tiền bồi thường; Báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông P số 415/BC-STNMT ngày 25/8/2015 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Sơn La; các văn bản thể hiện toàn bộ tiến trình giải quyết vụ việc, ban hành các Quyết định có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của ông P.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại (ngày 22/9/2016), thì ông Nguyễn Đức P và đại diện người bị kiện đều thừa nhận không còn chứng cứ nào khác; ông P xác định khởi kiện Quyết định hành chính 663/QĐ-UBND ngày 6/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 10/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã áp dụng Điều 30; Khoản 8 Điều 32; Khoản 1, điểm a

khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; Điều 6; khoản 1, 2 Điều 12; Điều 64 Luật Đất đai năm 2013: Xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức P; giữ nguyên Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của ủy ban nhân dân huyện Y về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P để xây dựng, cải tạo hồ B và giải tỏa hành lang giao thông Quốc lộ 37.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2016, người khởi kiện là ông Nguyễn Đức P kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: Sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm vì không có căn cứ; không công bằng, không đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện đồng thời buộc UBND huyện Y khi thu hồi đất phải bồi thường và bố trí đất tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm: Quyết định 663 ban hành không đúng quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung; UBND huyện ban hành là trái thẩm quyền; viện dẫn văn bản pháp lý 3125 của UBND tỉnh Sơn La, Quyết định 6272 UBND huyện Y, Quyết định 2985, cơ sở viện dẫn các quyết định này không phù hợp. Những văn bản này không liên quan đến việc thu hồi đất để ra quyết định cưỡng chế. Nội dung quyết định thu hồi đất không bồi thường về đất, không đúng diện tích đất thực tế. Nguồn gốc đất của ông P là đất khai hoang, ông P nhận chuyển nhượng lại của ông C năm 1997 và sinh sống từ đó đến nay, không có tranh chấp. Ông P chấp hành nghĩa vụ của người sử dụng đất và đã nộp thuế đất. Do đó, khi thu hồi đất, ông P phải được bồi thường về đất. Quyết định thu hồi đất là trái pháp luật dẫn đến Quyết định 663 cũng trái pháp luật cần phải hủy bỏ.

Người bị kiện, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện có quan điểm: Về thẩm quyền ban hành quyết định 663 là đúng pháp luật vì ngay sau khi ban hành quyết định 663, phát hiện nhầm lẫn, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định 665 cùng ngày đính chính lại là Chủ tịch UBND huyện Y ra quyết định chứ không phải là UBND huyện Y. Về nội dung, diện tích đất thu hồi có chênh lệch bởi: Trước đây đã thu hồi một phần diện tích đất nằm trong hành lang giao thông Quốc lộ 37. Phần còn lại thuộc diện tích đất thu hồi tại Quyết định 2985. UBND huyện Y cũng đã kiểm kê, kiểm đếm diện tích đất và tài sản

trên đất. Ông Nguyễn Đức P cũng không khiếu nại gì về diện tích đất và số lượng tài sản trên đất.

Về yêu cầu được bồi thường về đất: Theo ông P là mua bán với ông C và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đã chứng minh được ông H là người lấn chiếm đất. Ủy ban nhân dân xã B cũng đã xác định rõ là đất hành lang hồ B không được lấn chiếm và đã nhắc nhở, tuyên truyền cho những người dân lấn chiếm đất hành lang hồ này. Khi có Quyết định quy hoạch của Tỉnh, địa phương đã tuyên truyền công khai, mọi người dân đều biết, các hộ dân tự chuyển nhượng đất cho nhau không có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 1999, ông C chuyển nhượng cho bà Tuyết. Bà Tuyết cho lại vợ chồng bà Th, ông P. Giấy chuyển nhượng là do ông P nhờ ông C viết, đây là Hợp đồng giả cách.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, bên khởi kiện cho rằng đất bị thu hồi đã sử dụng ổn định không tranh chấp, có Biên lai thu thuế đất thuộc diện được bồi thường về đất khi thu hồi, khoản 1 Điều 75 Luật đất đai quy định rõ. Ông P chấp nhận chủ trương thu hồi đất nhưng phải được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Bên bị kiện cho rằng đất của ông P thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã B và thuộc dạng vi phạm hành lang hồ B. Việc mua bán, chuyển nhượng đất là bất hợp pháp nên không thuộc diện được bồi thường khi thu hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm: Thẩm quyền ban hành Quyết định 663 là đúng vì đã có Quyết định 665 đính chính; trình tự, thủ tục ban hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung quyết định: Thừa đất của ông P sử dụng là đất công do UBND xã B quản lý. UBND huyện Y không chấp nhận bố trí đất tái định cư là đúng quy định pháp luật. Khi kiểm đếm tài sản trên đất đối với hộ ông P đã xác định được hộ ông P được bồi thường là 55,9 triệu đồng là có căn cứ đã được lấy được ý kiến của các hộ dân và được niêm yết công khai. Việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định 663 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện; người bị kiện; quan điểm của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có các nhận định sau đây:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định hành chính số 663/QĐ-UBND ngày 6/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y “Cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P” (sau đây gọi tắt, viết tắt là: Quyết định 663). Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức P, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính (Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 8 Điều 32 trong trường hợp này là không đúng cần được sửa lại).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ đều có mặt hoặc đại diện hợp pháp. Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người bị kiện giữ Quyết định 663 đã ban hành; vụ án được xét xử phúc thẩm công khai. Các đương sự đều nhất trí về việc công khai bản án phúc thẩm.

Quyết định 663 bị khởi kiện do Chủ tịch UBND huyện Y ban hành do đó người bị kiện trong vụ án này phải là Chủ tịch UBND huyện Y. Quá trình giải quyết vụ kiện, UBND huyện Y cũng là người phải cung cấp văn bản, giải trình, tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để tham gia giải quyết khiếu nại của người khởi kiện. Do đó cần thiết phải đưa UBND huyện Y vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đúng và thiếu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm, UBND huyện Y cũng đã tham gia vào vụ kiện với tư cách là người bị kiện, ông Chủ tịch UBND huyện Y với tư cách đại diện theo pháp luật của UBND huyện đều có văn bản thể hiện quan điểm và có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách tố tụng của những người này theo đúng quy định của pháp luật và việc này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án cũng như không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn K - Chủ tịch UBND huyện Y cũng nhất trí với việc phải xác định ông mới là người bị kiện trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định 663 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư 30/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên & Môi trường.

[2.2] Về trình tự thủ tục, nội dung quyết định: Những năm trước đây, ông Nguyễn Đức P đã có rất nhiều đơn khiếu nại về việc thu hồi, đền bù đất và tài sản trên đất đến Ủy ban nhân dân huyện Y, UBND tỉnh Sơn La. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND ngày 21/1/2015 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức P và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông P. Ngày 31/3/2015, ông P tiếp tục khiếu nại Quyết định 101/QĐ-UBND với các nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại còn nêu chung chung; diện tích đất nêu trong quyết định chưa thể hiện hết diện tích bếp, công trình phụ của ông; việc đền bù thiệt hại cho gia đình ông chưa thỏa đáng và gia đình ông không được cấp đất. Ngày 16/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức P (lần 2) bãi bỏ các nội dung sai sót trong Quyết định 101/QĐ-UBND. Trên cơ sở quyết định này, ngày 14/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2835/QĐ-UBND bãi bỏ kết quả thống kê kiểm đếm tài sản của gia đình ông P trước đây và giao cho Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Y đã tiến hành thống kê, kiểm đếm lại tài sản (nhà ở, bếp, công trình phụ) trên khu đất của ông Nguyễn Đức P.

Ngày 30/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2985/QĐ-UBND về thu hồi 198,1 m² đất vi phạm quy hoạch hồ B của hộ gia đình ông Nguyễn Đức P trú tại Tiểu khu 1 thị trấn B, huyện Y để xây dựng công trình “Cải tạo hồ B”.

Ngày 29/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Cải tạo hồ B cho hộ ông Nguyễn Đức P, ban hành kèm theo Bảng tổng hợp giá trị bồi thường.

Trong các ngày 16/3, 23/3, 30/3/2016 Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Y và Ủy ban nhân dân huyện Y đã ba lần ra các Thông báo số 40/TB-HĐGPMB; 62/TB-UBND; 65-66/TB-UBND đối với gia đình ông Nguyễn Đức P về việc nhận tiền bồi thường, tháo dỡ nhà cửa, thu dọn tài sản, bàn giao diện tích đất đã thu hồi để xây dựng công trình cải tạo hồ B với số tiền 55.973.600

đồng. Các Thông báo này đều được Ủy ban nhân dân huyện Y gửi tới gia đình ông Nguyễn Đức P và niêm yết công khai tại địa phương.

UBND thị trấn B cũng đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 4/4/2016 về việc vận động, tuyên truyền gia đình ông P nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng. Thực hiện kế hoạch này, UBND thị trấn B đã thành lập Tổ công tác gồm đại diện Ủy ban, đại diện MTTQ, đại diện khối Cơ quan đoàn thể và đã 3 lần đến gia đình ông P để tuyên truyền, vận động gia đình ông P. Mặc dù đã biết chủ trương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Y nhưng ông P vẫn không chấp hành và bàn giao đất cho huyện.

Do đó, ngày 06/4/2016, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 663/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P để xây dựng, cải tạo hồ B và giải tỏa hành lang giao thông Quốc lộ 37.

Với các bước tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất, thu hồi đất, vận động tuyên truyền gia đình ông P chấp hành quyết định thu hồi đất như đã nêu trên, việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định 663 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69; Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Nội dung Quyết định 663 đúng pháp luật, đảm bảo công bằng, khách quan, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông P. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P đề nghị hủy Quyết định 663 là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Đức P về nội dung này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.3] Xét các nội kháng cáo khác của ông Nguyễn Đức P như: “Phải bồi thường về đất, bố trí đất tái định cư cho gia đình ông; bồi thường giá trị tài sản trên đất là 80.900.000 đồng; bố trí cấp điện, nước cho gia đình ông”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ tài liệu do các bên khởi kiện, bị kiện cung cấp, lời khai của những người chuyển nhượng đất, tài sản trên đất (quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm) đối với thửa đất ông P đang yêu cầu được bồi thường, tái định cư khi thu hồi đất thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Nguyễn Đức P bị thu hồi tại địa chỉ TK1, thị trấn B theo kết quả thanh tra của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Sơn La là đất bờ ao (hồ) do Hợp tác xã B quản lý. Ông Phạm Mạnh H (Phạm Tuấn M) đã tự ý ra ở không được cơ quan nào đồng ý. Năm 1990, ông H đã bán ngôi nhà trên đất cho ông Lê Công T. Việc mua bán giữa hai bên là giấy viết tay, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân theo quy định. Tháng 8/1991, ông Lê Công T bán lại cho ông Trần Đức C với hình thức “Giấy chứng nhận

nhượng nhà” viết tay giữa hai bên, không có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Năm 1999, ông Trần Đức C đã nhượng tài sản trên đất này cho bà Lê Thị T (T – T1). Sau đó, bà Tuyết cho em là vợ chồng ông bà Th - P ở. Ông C xác nhận không bán đất cho ông P mà giấy chuyển nhượng ông viết cho ông P do ông P nhờ viết.

Ngày 30/11/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 334/UB-QĐ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch thị trấn B. Ủy ban nhân dân huyện Y đã thông báo đến toàn thể người dân trên địa bàn huyện biết, đặc biệt là khu vực quy hoạch công viên cây xanh hồ B (trong đó có diện tích đất gia đình ông P đang sử dụng). Việc hộ gia đình ông P sử dụng diện tích đất do bà Tuyết cho đã vi phạm điều 5 Luật đất đai năm 1987: “Nghiêm cấm việc mua bán, lấn chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức...”; Điều 6 Luật đất đai năm 1993: “Nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai, chuyển quyền sử dụng đất trái phép...”. Theo quy định tại điểm d Điều 64 Luật đất đai năm 2013 thì Nhà nước có quyền thu hồi “Đất được nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm”. Do đó, UBND huyện Y xác định việc lấn chiếm, sử dụng đất của các gia đình nêu trên mà hiện tại gia đình ông P đang sử dụng là vi phạm pháp luật đất đai là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngày 30/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2985/QĐ-UBND về thu hồi 198,1 m² đất vi phạm quy hoạch hồ B của hộ gia đình ông Nguyễn Đức P trú tại Tiểu khu 1 thị trấn B, huyện Y để xây dựng công trình “Cải tạo hồ B”. UBND thị trấn B cũng đã thực hiện công khai quyết định thu hồi đất tại UBND thị trấn. Theo Quyết định này thì hộ gia đình ông P không được bồi thường, hỗ trợ về đất là đúng pháp luật. Như vậy, ông gia đình ông P không thuộc diện được bồi thường, tái định cư khi thu hồi đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện, kháng cáo về vấn đề này của ông P không được Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Việc tính giá trị tài sản trên đất để đền bù cho gia đình ông P cũng đã được UBND huyện Y thực hiện đúng Quyết định 278/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Cải tạo hồ B với mức bồi thường 47.276.100 đồng và 8.697.500 đồng gia đình ông P được đền bù công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37. Như vậy tổng giá trị tài sản của gia đình ông Nguyễn Đức P được bồi thường khi thu hồi đất giải tỏa hành lang giao thông và Cải tạo, xây dựng hồ B (hai thời điểm) là 55.973.600 đồng là đúng, đủ giá trị tài sản theo Biên bản xác minh của Thanh tra Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Sơn La. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận

yêu cầu bồi thường tổng số tài sản này theo như ông P đề nghị là 80.900.000 đồng là có căn cứ.

Vấn đề yêu cầu cấp điện, nước tại nơi đang có quyết định thu hồi đất, giải tỏa, cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Kết luận: Từ những căn cứ nêu trên cho thấy Quyết định hành chính số 663/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung thể hiện đúng bản chất vụ việc để bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức P là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đức P kháng cáo đề nghị hủy Quyết định 663 nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và như đã phân tích trên, Quyết định 663 là đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Đức P không được Hội đồng xét xử chấp nhận đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa. Đối với những nội dung khởi kiện, kháng cáo khác của ông P cũng không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Đức P; sửa việc áp dụng pháp luật; giữ quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, cụ thể như sau: Áp dụng Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; điểm d khoản 3 Điều 69; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013: Xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức P yêu cầu hủy Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về việc cưỡng chế tháo dỡ công trình, thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đức P để xây dựng, cải tạo hồ B và giải tỏa hành lang giao thông Quốc lộ 37.

2. Ông Nguyễn Đức P phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Đức P được nhận lại 200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03451 ngày 25/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu